SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/QĐ- NTT

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi NSNN Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2024

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

*Căn cứ Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;*

*Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường Trung học phổ thông;*

*Căn cứ xác nhận của kho bạc tại Bảng đối chiếu Dự toán kinh phí Ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước Quý 2 Năm 2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện Dự toán Ngân sách Nhà nước Quý 2 và 6 tháng đầu Năm 2024 của Trường THPT Nguyễn Tất Thành. *(Theo mẫu biểu đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH

**Lê Văn Anh**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành**

**Chương: 422**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Nguyễn Tất Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 02/2024 như sau:

*ĐV tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý 1/2024 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 1/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **33.854.786.340** | **7.004.367.220** | **41,56%** | **57,85%** |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **33.854.786.340** | **7.004.367.220** | **41,56%** | **57,85%** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | **33.854.786.340** | **7.004.367.220** | **41,56%** | **57,85%** |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 17.848.089.479 | 3.414.823.083 | 19,13% | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 16.006.696.861 | 3.589.544.137 | 22,43% | 57,85% |

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành**

**Chương: 422**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024*

# CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Nguyễn Tất Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

*ĐV tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện quý 2/2024 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **A** | **Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | | | | |
| **I** | **Số thu phí, lệ phí** | | | | |
| **II** | **Chi từ nguồn thu phí được để lại** | | | | |
| **III** | **Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước** | | | | |
| **B** | **Dự toán chi ngân sách nhà nước** | **33.854.786.340** | **10.790.894.482** | **62,97%** | **41,46%** |
| **I** | **Nguồn ngân sách trong nước** | **33.854.786.340** | **10.790.894.482** | **62,97%** | **41,46%** |
| **1** | **Chi quản lý hành chính** | | | | |
| **2** | **Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ** | | | | |
| **3** | **Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề** | **33.854.786.340** | **10.790.894.482** | **62,97%** | **41,46%** |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 17.848.089.479 | 6.893.340.879 | 38,62% | |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 16.006.696.861 | 3.897.553.603 | 24,35% | 41,46% |

Người ký: Nguyễn Văn Anh
Ngày ký: 11/07/2024 09:06:15
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 6 - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

**Mã chương: 422**

**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành**

**Mã ĐVQHNS: 1109454**

**Mã cấp NS: 2**

**Mẫu số 20a**

**Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT**

# BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

**Quý 2 /Năm 2024**

| Mã nguồn NSNN | Mã ngành kinh tế | Mã CTMT, DA | DT năm trước chuyển sang | Dự toán giao đầu năm | DT năm nay | | DT được sử dụng trong năm | DT đã sử dụng | | DT đã Cam kết chi | | DT giữ lại | DT còn lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Trong kỳ | Lũy kế đến kỳ báo cáo | | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=5-7-9 |
| 12 | 074 | 00000 | 0 | 6.230.944.000 | 313.720.000 | 6.230.944.000 | 6.230.944.000 | 530.490.751 | 838.500.217 | 0 | 0 | 0 | 5.392.443.783 |
| 13 | 074 | 00000 | 0 | 14.942.400.000 | 0 | 14.942.400.000 | 14.942.400.000 | 3.229.852.132 | 6.149.349.030 | 0 | 0 | 0 | 8.793.050.970 |
| 14 | 074 | 00000 | 857.811.340 | 11.823.631.000 | 0 | 11.823.631.000 | 12.681.442.340 | 3.244.024.337 | 3.803.045.235 | 0 | 0 | 0 | 8.878.397.105 |
| **Cộng:** | | | 857.811.340 | 32.996.975.000 | 313.720.000 | 32.996.975.000 | 33.854.786.340 | 7.004.367.220 | 10.790.894.482 | 0 | 0 | 0 | 23.063.891.858 |
| **Phần KBNN ghi:** | | | | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:** KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**Ghi chú của KBNN:**

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

*Ngày 11 tháng 7 năm 2024*

**Kế toán** **Kế toán trưởng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Dương Thị Quí Mai

Người ký: Nguyễn Văn Anh
Ngày ký: 11/07/2024 09:06:15
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 6 - TP Hồ Chí Minh

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

*Ngày 10 tháng 7 năm 2024*

**Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Người ký: Nguyễn Hoàng Bảo Trân
Ngày ký: 10/07/2024 11:55:16
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Người ký: Lê Văn Anh
Ngày ký: 10/07/2024 15:02:42
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Nguyễn Vân Anh

Nguyễn Hoàng Bảo Trân

Lê Văn Anh

Người ký: Nguyễn Văn Anh
Ngày ký: 11/07/2024 09:06:15
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 6 - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

**Mã chương: 422**

**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành**

**Mã ĐVQHNS: 1109454**

**Mã cấp NS: 2**

**Mẫu số 20c**

**Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT**

# BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

**Quý 2 /Năm 2024**

| Nội dung | Mục lục NSNN | | | | Tạm ứng | | Thực chi | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã nguồn NSNN | Mã ngành kinh tế | Mã NDKT | Mã CTMT, DA | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+3 | 6=2+4 |
| Phụ cấp ưu đãi nghề | 12 | 074 | 6112 | 00000 | 0 | 0 | 224.622.034 | 224.622.034 | 224.622.034 | 224.622.034 |
| Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề | 12 | 074 | 6115 | 00000 | 0 | 0 | 247.746.600 | 497.226.600 | 247.746.600 | 497.226.600 |
| Bảo hiểm xã hội | 12 | 074 | 6301 | 00000 | 0 | 0 | 43.355.655 | 87.014.655 | 43.355.655 | 87.014.655 |
| Bảo hiểm y tế | 12 | 074 | 6302 | 00000 | 0 | 0 | 7.432.398 | 14.916.798 | 7.432.398 | 14.916.798 |
| Kinh phí công đoàn | 12 | 074 | 6303 | 00000 | 0 | 0 | 4.954.932 | 9.944.532 | 4.954.932 | 9.944.532 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 12 | 074 | 6304 | 00000 | 0 | 0 | 2.379.132 | 4.775.598 | 2.379.132 | 4.775.598 |
| Lương theo ngạch, bậc | 13 | 074 | 6001 | 00000 | 0 | 0 | 1.710.078.958 | 3.436.071.114 | 1.710.078.958 | 3.436.071.114 |
| Phụ cấp chức vụ | 13 | 074 | 6101 | 00000 | 0 | 0 | 30.619.502 | 61.239.005 | 30.619.502 | 61.239.005 |
| Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ | 13 | 074 | 6105 | 00000 | 0 | 0 | 510.348.955 | 510.348.955 | 510.348.955 | 510.348.955 |
| Phụ cấp ưu đãi nghề | 13 | 074 | 6112 | 00000 | 0 | 0 | 510.481.152 | 1.018.441.224 | 510.481.152 | 1.018.441.224 |
| Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc | 13 | 074 | 6113 | 00000 | 0 | 0 | 1.564.500 | 3.129.000 | 1.564.500 | 3.129.000 |
| Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề | 13 | 074 | 6115 | 00000 | 0 | 0 | 6.678.180 | 13.356.360 | 6.678.180 | 13.356.360 |
| Phụ cấp khác | 13 | 074 | 6149 | 00000 | 0 | 0 | 3.240.000 | 6.480.000 | 3.240.000 | 6.480.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 13 | 074 | 6301 | 00000 | 0 | 0 | 305.790.912 | 614.366.634 | 305.790.912 | 614.366.634 |
| Bảo hiểm y tế | 13 | 074 | 6302 | 00000 | 0 | 0 | 52.421.298 | 105.319.992 | 52.421.298 | 105.319.992 |
| Kinh phí công đoàn | 13 | 074 | 6303 | 00000 | 0 | 0 | 34.947.534 | 70.213.332 | 34.947.534 | 70.213.332 |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bảo hiểm thất nghiệp | 13 | 074 | 6304 | 00000 | 0 | 0 | 17.193.141 | 34.545.414 | 17.193.141 | 34.545.414 |
| Chi khác | 13 | 074 | 6449 | 00000 | 0 | 0 | 28.188.000 | 239.238.000 | 28.188.000 | 239.238.000 |
| Khoán điện thoại | 13 | 074 | 6618 | 00000 | 0 | 0 | 6.300.000 | 12.600.000 | 6.300.000 | 12.600.000 |
| Khoán công tác phí | 13 | 074 | 6704 | 00000 | 0 | 0 | 12.000.000 | 24.000.000 | 12.000.000 | 24.000.000 |
| Lương theo ngạch, bậc | 14 | 074 | 6001 | 00000 | 0 | 0 | 118.599.179 | 477.698.218 | 118.599.179 | 477.698.218 |
| Phụ cấp chức vụ | 14 | 074 | 6101 | 00000 | 0 | 0 | 2.123.500 | 8.494.000 | 2.123.500 | 8.494.000 |
| Phụ cấp ưu đãi nghề | 14 | 074 | 6112 | 00000 | 0 | 0 | 35.217.426 | 140.900.394 | 35.217.426 | 140.900.394 |
| Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc | 14 | 074 | 6113 | 00000 | 0 | 0 | 108.500 | 850.363 | 108.500 | 850.363 |
| Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề | 14 | 074 | 6115 | 00000 | 0 | 0 | 463.140 | 1.436.197 | 463.140 | 1.436.197 |
| Bảo hiểm xã hội | 14 | 074 | 6301 | 00000 | 0 | 0 | 21.207.519 | 85.407.839 | 21.207.519 | 85.407.839 |
| Bảo hiểm y tế | 14 | 074 | 6302 | 00000 | 0 | 0 | 3.635.575 | 14.641.345 | 3.635.575 | 14.641.345 |
| Kinh phí công đoàn | 14 | 074 | 6303 | 00000 | 0 | 0 | 2.423.716 | 9.760.894 | 2.423.716 | 9.760.894 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 14 | 074 | 6304 | 00000 | 0 | 0 | 1.192.396 | 4.802.599 | 1.192.396 | 4.802.599 |
| Chi khác | 14 | 074 | 6449 | 00000 | 0 | 0 | 3.059.053.386 | 3.059.053.386 | 3.059.053.386 | 3.059.053.386 |
| | | | | **Cộng:** | 0 | 0 | 7.004.367.220 | 10.790.894.482 | 7.004.367.220 | 10.790.894.482 |
| **Phần KBNN ghi:** | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:** KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**Ghi chú của KBNN:**

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

*Ngày 11 tháng 7 năm 2024*

**Kế toán** **Kế toán trưởng**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Dương Thị Quí Mai

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

*Ngày 10 tháng 7 năm 2024*

**Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Người ký: Nguyễn Vân Anh
Ngày ký: 11/07/2024 09:06:15
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận 6 - TP Hồ Chí Minh

Nguyễn Vân Anh

Người ký: Nguyễn Hoàng Bảo Trân
Ngày ký: 10/07/2024 11:55:16
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Nguyễn Hoàng Bảo Trân

Người ký: Lê Văn Anh
Ngày ký: 10/07/2024 15:02:42
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lê Văn Anh

Người ký: LÊ VĂN ANH
Ngày ký: 10/07/2024 16:18:18
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao nhận trực tuyến

**Mẫu số 20a**
**Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT**

**Mã chương: 422**
**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành**
**Mã ĐVQHNS:** 1109454
**Mã cấp NS: 2**

# BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
## QUÝ 2 NĂM 2024

| Mã nguồn NSNN | Mã ngành KT | Mã CTMT, DA | DT năm trước chuyển sang | DT năm giao đầu năm | DT năm nay | | DT được sử dụng trong năm | DT đã sử dụng | | DT đã cam kết chi | | DT giữ lại | DT còn lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Trong kỳ | Lũy kế đến kỳ báo cáo | | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+4 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11=5-7-9 |
| **I> Nguồn KP tự chủ** | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 074 | | 465.689.479 | 2.440.000.000 | 0 | 2.440.000.000 | 2.905.689.479 | 184.970.951 | 743.991.849 | 0 | 0 | 0 | **2.161.697.630** |
| **Cộng I** | | | **465.689.479** | **2.440.000.000** | **0** | **2.440.000.000** | **2.905.689.479** | **184.970.951** | **743.991.849** | **0** | **0** | **0** | **2.161.697.630** |
| **II> Nguồn KP không tự chủ** | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 074 | | 392.121.861 | 9.383.631.000 | 0 | 9.383.631.000 | 9.775.752.861 | 3.059.053.386 | **3.059.053.386** | 0 | 0 | 0 | **6.716.699.475** |
| **Cộng II** | | | **392.121.861** | **9.383.631.000** | **0** | **9.383.631.000** | **9.775.752.861** | **3.059.053.386** | **3.059.053.386** | **0** | **0** | **0** | 6.716.699.475 |
| **Tổng cộng I + II** | | | **857.811.340** | **11.823.631.000** | **0** | **11.823.631.000** | **12.681.442.340** | **3.244.024.337** | **3.803.045.235** | **0** | **0** | **0** | **8.878.397.105** |
| **Phần KBNN ghi:** | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**
*Ngày tháng năm 2024*
10 -07- 2024
**Kế toán** **Kế toán trưởng**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC T.P HỒ CHÍ MINH * KẾ TOÁN * KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẬN 8

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**
*Ngày 10 tháng 07 năm 2024*
**Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH * TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH *

**Nguyễn Hoàng Bảo Trân** **Lê Văn Anh**

**Mẫu số 20c**
**Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT**

**Mã chương: 422**
**Trường THPT Nguyễn Tất Thành**
**Mã ĐVQHNS: 1109454**
**Mã cấp NS: 2**

# BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
## QUÝ 2 NĂM 2024

**Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Tất Thành**
Mã ĐVQHNS: 1109454 Mã chương: 422 Mã cấp NS: 2

| Nội dung | Mục lục NSNN | | | | Tạm ứng | | Thực chi | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã nguồn NSNN | Mã ngành KT | Mã NDKT | Mã CTMT, DA | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+3 | 6=2+4 |
| **1- Kinh phí thường xuyên** | | | | | | | | | | |
| **Cộng 14** | | | | | **0** | **0** | **184.970.951** | **743.991.849** | **184.970.951** | **743.991.849** |
| | 14 | 074 | 6001 | | | | 118.599.179 | 477.698.218 | 118.599.179 | 477.698.218 |
| | 14 | 074 | 6101 | | | | 2.123.500 | 8.494.000 | 2.123.500 | 8.494.000 |
| | 14 | 074 | 6112 | | | | 35.217.426 | 140.900.394 | 35.217.426 | 140.900.394 |
| | 14 | 074 | 6113 | | | | 108.500 | 850.363 | 108.500 | 850.363 |
| | 14 | 074 | 6115 | | | | 463.140 | 1.436.197 | 463.140 | 1.436.197 |
| | 14 | 074 | 6301 | | | | 21.207.519 | 85.407.839 | 21.207.519 | 85.407.839 |
| | 14 | 074 | 6302 | | | | 3.635.575 | 14.641.345 | 3.635.575 | 14.641.345 |
| | 14 | 074 | 6303 | | | | 2.423.716 | 9.760.894 | 2.423.716 | 9.760.894 |
| | 14 | 074 | 6304 | | | | 1.192.396 | 4.802.599 | 1.192.396 | 4.802.599 |

| Nội dung | Mục lục NSNN | | | | Tạm ứng | | Thực chi | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã nguồn NSNN | Mã ngành KT | Mã NDKT | Mã CTMT, DA | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo | Phát sinh trong kỳ | Số dư đến kỳ báo cáo |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=1+3 | 6=2+4 |
| **2- Kinh phí không thường xuyên** | | | | | | | | | | |
| **Cộng 14** | | | | | **0** | **0** | **3.059.053.386** | **3.059.053.386** | **3.059.053.386** | **3.059.053.386** |
| | 14 | 074 | 6449 | | | | 3.059.053.386 | 3.059.053.386 | 3.059.053.386 | 3.059.053.386 |
| **Tổng cộng 14** | | | | | **0** | **0** | **3.244.024.337** | **3.803.045.235** | **3.244.024.337** | **3.803.045.235** |
| **Phần KBNN ghi:** | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày tháng năm 2024

10 -07- 2024

**Kế toán** **Kế toán trưởng**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC T.P HỒ CHÍ MINH * KHO BẠC NHÀ NƯỚC QUẬN 6 * KẾ TOÁN

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

Ngày 10 tháng 07 năm 2024

**Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TẤT THÀNH

**Nguyễn Hoàng Bảo Trân** **Lê Văn Anh**